



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368, phố Lý Bôn, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Hoàng Hà,



Lưu Huy Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hưng Yên, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số: 032702/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 35.435.190.155 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 113.817.786.898 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 336.147.782.294 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268.736.095.880 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 đang âm 22.776.172.521 đồng (năm 2024 âm 1.306.135.671 đồng). Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

A blue ink signature, likely belonging to Đặng Thị Phương Thảo, is written in a cursive style.

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

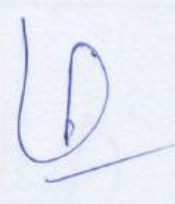
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.589.158.180	3.793.667.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.335.707	73.870.006
1. Tiền	111	V.1	63.335.707	73.870.006
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.752.265.155	3.093.479.281
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.487.713.311	2.064.238.062
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	140.000.000	374.597.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	124.551.844	654.643.646
III. Hàng tồn kho	140	V.7	198.523.417	323.910.021
1. Hàng tồn kho	141		198.523.417	323.910.021
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		575.033.901	302.407.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	199.375.516	297.385.888
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		254.822.071	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	120.836.314	5.021.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.055.490.568	200.313.244.725
I. Tài sản cố định	220		19.199.432.637	149.978.414.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	19.192.619.752	149.954.001.369
- Nguyên giá	222		119.691.674.809	364.043.034.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.499.055.057)	(214.089.032.902)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.812.885	24.412.889
- Nguyên giá	228		163.000.000	163.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.187.115)	(138.587.111)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.11	21.330.500.719	14.486.154.613
- Nguyên giá	231		34.224.873.617	19.144.697.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.894.372.898)	(4.658.543.123)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.586.494.750	5.586.494.750
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.586.494.750	5.586.494.750
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.916.022.808	30.009.130.004
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.572.577.921)	(1.391.171.185)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.488.600.729	1.400.301.189
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.039.654	253.051.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	23.039.654	253.051.100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79.644.648.748	204.106.911.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.624.348.335	117.674.925.058
I. Nợ ngắn hạn	310		39.024.348.335	117.611.454.058
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.438.048.363	5.665.340.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		529.282.258	126.496.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	139.165.352	328.776.314
4. Phải trả người lao động	314		640.004.000	2.154.725.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.881.811	7.155.873
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	108.274.194	1.161.936.875
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	5.177.671.980	21.034.126.217
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	26.987.020.377	87.132.897.122
II. Nợ dài hạn	330		21.600.000.000	63.471.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	63.471.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	21.600.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.020.300.413	86.431.986.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	19.020.300.413	86.431.986.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(336.147.782.294)	(268.736.095.880)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(268.736.095.880)	(235.712.178.540)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(67.411.686.414)	(33.023.917.340)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79.644.648.748	204.106.911.885


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập



Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng


Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.279.586.729	40.831.422.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	22.279.586.729	40.831.422.035
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.978.391.258	61.757.538.873
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(16.698.804.529)	(20.926.116.838)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.127.940.962	153.209.844
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	794.529.933	2.404.117.525
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		599.697.271	2.218.642.882
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.805.619.404	10.355.759.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(24.171.012.904)	(33.532.783.752)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	90.004.874	573.144.578
12. Chi phí khác	32	VI.7	43.330.678.384	64.278.166
13. Lợi nhuận khác	40		(43.240.673.510)	508.866.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(67.411.686.414)	(33.023.917.340)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(67.411.686.414)	(33.023.917.340)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng




Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(67.411.686.414)	(33.023.917.340)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.502.062.978	19.676.245.398
Các khoản dự phòng	03	181.406.736	185.474.643
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	43.062.043.360	(514.074.265)
Chi phí lãi vay	06	599.697.271	2.218.642.882
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.066.476.069)	(11.457.628.682)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	8.941.292.375	3.240.426.216
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	125.386.604	395.748.966
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(18.782.012.950)	11.498.680.679
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	328.021.818	19.570.958
Tiền lãi vay đã trả	14	(322.384.299)	(5.002.933.808)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.776.172.521)	(1.306.135.671)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(247.575.630)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	61.311.321.549	2.534.541.770
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(88.299.540)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.492.958	123.457.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.311.514.967	2.410.423.999
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	26.364.900.896	100.874.825.195
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(64.910.777.641)	(102.008.773.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.545.876.745)	(1.133.948.180)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.534.299)	(29.659.852)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.870.006	103.529.858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63.335.707	73.870.006


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng




Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại ngày 25/04/2023 theo Thông báo số 1118/TB-SGDHN ngày 27/03/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Hiện tại, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG trên thị trường này là ngày 09/05/2023.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận tải và kinh doanh thương mại (bán xe, phụ tùng).

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 189 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 170 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 35.435.190.155 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 113.817.786.898 đồng). Lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 336.147.782.294 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 268.736.095.880 đồng). Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 đang âm 22.776.172.521 đồng (năm 2024 âm 1.306.135.671 đồng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty – Bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại số 368 Lý Bôn, Phường Tiền Phong, TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là số 368 Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) theo Hợp đồng chuyển nhượng số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24/02/2025 với Công ty Cổ phần Thương mại Tiền Phong Mới và biên bản bàn giao toàn bộ dự án bất động sản Văn phòng Công ty - Bến xe khách ngày 28/02/2025. Khoản tiền thu được đã được Công ty sử dụng để thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả đến hạn.
- Công ty cũng tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ tài chính với lãi suất ưu đãi từ các cổ đông và Ban lãnh đạo của Công ty.
- Giảm nợ vay các tổ chức tín dụng để giảm chi phí lãi vay phát sinh hàng tháng phải trả.
- Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 311.321.549 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.
- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Mặc dù hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của Công ty với Sở giao thông Vận tải đều hết hạn vào ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, ngày 22/12/2025, Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên đã gửi Công văn số 3056/SXD-VTATGT đề nghị Công ty tiếp tục khai thác các tuyến xe buýt số 01, 02, 04, 05, HY01 và HY02 kể từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo chính thức của Sở Xây dựng do đơn vị trúng thầu mới cần có đầy đủ thời gian để chuẩn bị các điều kiện cần thiết về phương tiện, nhân sự và hạ tầng kỹ thuật. Công ty đã áp dụng hình thức khoán đối với xe chạy các tuyến buýt này. Mặc dù doanh thu xe buýt có sự sụt giảm tuy nhiên, hình thức khoán xe mang lại nguồn lợi nhuận nhất định để Công ty trang trải các chi phí thiết yếu. So với các năm trước, mặc dù doanh thu xe buýt cao nhưng hoạt động này cũng lỗ lớn do chi phí phải chi ra lớn hơn nguồn thu mang lại.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản cố định khác	20

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Hệ điều hành taxi và phần mềm

Số năm
05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 năm đến 25 năm cho nhà cửa vật kiến trúc.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	43.201.182	69.211.084
Tiền gửi ngân hàng	20.134.525	4.658.922
Cộng	63.335.707	73.870.006

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.488.600.729	1.400.301.189
Cộng	1.488.600.729	1.400.301.189

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với gốc ban đầu là 1.190.000.000 đồng (lãi nhập gốc 298.600.729 đồng). Lãi suất là 4,5%/năm. Khoản tiền gửi này được đảm bảo cho việc xây dựng dự án Bến xe khách phía Tây Thái Bình.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	1.900.140.385	1.403.624.200
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Khách hàng khác	104.721.926	177.762.862
Cộng	2.487.713.311	2.064.238.062
b) Phải thu các bên liên quan		
Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	553.974.960	537.307.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	140.000.000	140.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên - Nhà máy Ô tô Cửu Long	-	173.197.573
Các nhà cung cấp khác	-	61.400.000
Cộng	140.000.000	374.597.573

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	514.000.000
Phải thu khác	124.551.844	140.643.646
Cộng	124.551.844	654.643.646

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	199.375.516	287.217.338
Chi phí trả trước khác	-	10.168.550
Cộng	199.375.516	297.385.888
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.220.794	245.949.878
Chi phí trả trước khác	6.818.860	7.101.222
Cộng	23.039.654	253.051.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu
*Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	198.523.417	-	323.910.021	-
	198.523.417	-	323.910.021	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Các khoản phải thu
Thuế giá trị gia tăng
Thuế nhà đất, tiền thuế đất
Thuế môn bài
Thuế, phí, lệ phí khác
Cộng

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	114.539.079	-	-	-	114.539.079	-	-	-
	-	273.961.187	273.961.187	273.961.187	273.961.187	-	-	-
	5.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	1.297.235	5.259.967	5.259.967	6.535.238	6.535.238	21.964	21.964	21.964
	120.836.314	283.221.154	283.221.154	399.035.504	399.035.504	5.021.964	5.021.964	5.021.964

b) Các khoản phải nộp
Thuế giá trị gia tăng
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Cộng

	391.112	7.997.753.045	8.187.364.007	190.002.074
	138.774.240	-	-	138.774.240
	139.165.352	7.997.753.045	8.187.364.007	328.776.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm	201.265.038.621	26.148.283.282	92.467.014.042	43.022.698.326	1.140.000.000	364.043.034.271
+ Phân loại lại	1.140.000.000	-	-	(1.140.000.000)	-	-
+ Phân loại sang bất động sản đầu tư	(15.080.175.881)	-	-	-	-	(15.080.175.881)
+ Chuyển nhượng dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách (*)	(169.973.684.375)	(24.690.406.422)	-	(28.512.238.326)	(1.140.000.000)	(224.316.329.123)
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.954.854.458)	-	-	(4.954.854.458)
Tại ngày cuối năm	17.351.178.365	1.457.876.860	87.512.159.584	13.370.460.000	-	119.691.674.809
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	72.406.518.537	25.335.267.592	81.803.436.475	33.950.060.298	593.750.000	214.089.032.902
+ Khấu hao trong năm	2.430.865.697	34.586.376	5.360.936.577	1.882.786.415	9.500.000	9.718.675.065
+ Phân loại lại	593.750.000	-	-	(593.750.000)	-	-
+ Phân loại sang bất động sản đầu tư	(7.470.041.866)	-	-	-	-	(7.470.041.866)
+ Chuyển nhượng dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách (*)	(59.979.373.060)	(23.917.869.366)	-	(26.622.085.229)	(603.250.000)	(111.122.577.655)
+ Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.716.033.389)	-	-	(4.716.033.389)
Tại ngày cuối năm	7.981.719.308	1.451.984.602	82.448.339.663	8.617.011.484	-	100.499.055.057
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	128.858.520.084	813.015.690	10.663.577.567	9.072.638.028	546.250.000	149.954.001.369
Tại ngày cuối năm	9.369.459.057	5.892.258	5.063.819.921	4.753.448.516	-	19.192.619.752

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.178.665.691 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.284.763.672 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 40.083.395.056 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 77.391.874.902 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án bất động sản Văn phòng Công ty - Bến xe khách số 52/2025/HĐCN-HH-TPM ngày 24 tháng 02 năm 2025 và biên bản bàn giao toàn bộ dự án bất động sản Văn phòng Công ty - Bến xe khách ngày 28 tháng 02 năm 2025, Công ty Cổ phần Hoàng Hà đồng ý chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án Văn phòng Công ty - Bến xe khách tại số 368 Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, nay là số 368 phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	163.000.000	163.000.000
Tại ngày cuối năm	163.000.000	163.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	138.587.111	138.587.111
Khấu hao trong năm	17.600.004	17.600.004
Tại ngày cuối năm	156.187.115	156.187.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	24.412.889	24.412.889
Tại ngày cuối năm	6.812.885	6.812.885

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	19.144.697.736	19.144.697.736
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	15.080.175.881	15.080.175.881
Tại ngày cuối năm	34.224.873.617	34.224.873.617
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	4.658.543.123	4.658.543.123
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	7.470.041.866	7.470.041.866
Khấu hao trong năm	765.787.909	765.787.909
Tại ngày cuối năm	12.894.372.898	12.894.372.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	14.486.154.613	14.486.154.613
Tại ngày cuối năm	21.330.500.719	21.330.500.719

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 21.330.500.719 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.486.154.613 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình (*)	5.586.494.750	5.586.494.750
Cộng	5.586.494.750	5.586.494.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

(*) Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất số 01/HĐ-SDD ngày 22 tháng 04 năm 2022 (thay thế cho Hợp đồng số 03/HĐ-BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018) ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình (nay là Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên) và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và thi công xây dựng công trình là 18 tháng kể từ ngày bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án cho nhà đầu tư. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

Về mặt tiến độ thực hiện, theo Công văn số 3505/STNMT-QLĐĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Hưng Yên), khu đất quy hoạch dự án đầu tư xây dựng bến xe khách phía Tây tiếp giáp với đường gom tuyến tránh S1 và đường quy hoạch số 2. Hiện tại, đường gom tuyến S1 chưa đầu tư xây dựng; đường quy hoạch số 2 UBND tỉnh đã có quyết định giao đất để xây dựng đường nhưng đến nay chưa hoàn thành. Như vậy, khu đất thực hiện dự án chưa có đường vào nên dự án chưa thể tiếp tục thực hiện.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tỷ lệ biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình Cộng	100%	30.000.000.000	(1.572.577.921)	30.000.000.000	(1.391.171.185)
		<u>30.000.000.000</u>	<u>(1.572.577.921)</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>(1.391.171.185)</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vận tải Ngọc Mai	-	-	5.004.499.600	5.004.499.600
Ông Vũ Ngọc Bái	5.004.499.600	5.004.499.600	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	433.548.763	433.548.763	660.841.057	660.841.057
Cộng	<u>5.438.048.363</u>	<u>5.438.048.363</u>	<u>5.665.340.657</u>	<u>5.665.340.657</u>
	16.400.000	16.400.000	-	-
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	4.881.811	7.155.873
Cộng	4.881.811	7.155.873

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận trước tiền thuê mặt bằng, thuê quảng cáo trên thân xe bus	108.274.194	1.161.936.875
Cộng	108.274.194	1.161.936.875

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	96.510.160	96.510.160
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.471.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.239.543.770	4.191.626.770
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	799.147.050	1.745.989.287
Cộng	5.177.671.980	21.034.126.217
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	63.471.000
Cộng	-	63.471.000
c) Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VII.2)	4.239.543.770	4.191.626.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	3.087.020.377	3.087.020.377	6.964.900.896	8.710.777.641	4.832.897.122	4.832.897.122
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	3.087.020.377	3.087.020.377	6.964.900.896	8.710.777.641	4.832.897.122	4.832.897.122
Vay cá nhân, tổ chức	23.900.000.000	23.900.000.000	-	50.200.000.000	74.100.000.000	74.100.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình (ii)	23.900.000.000	23.900.000.000	-	200.000.000	24.100.000.000	24.100.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tiên Phong Mới	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	-	-	-	8.200.000.000	8.200.000.000	8.200.000.000
Cộng	26.987.020.377	26.987.020.377			87.132.897.122	87.132.897.122
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	23.900.000.000	23.900.000.000			24.100.000.000	24.100.000.000

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025/416446/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2025. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2026. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các hợp đồng thế chấp cụ thể.

(ii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình theo Hợp đồng vay tiền số HĐVT01/2022 ngày 15 tháng 01 năm 2022. Tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay trong vòng 12 tháng. Lãi suất vay không kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục gia hạn hợp đồng số 01/PLLHD2025 ngày 15/01/2025, thời hạn khoản vay được điều chỉnh đến ngày 15 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn cá nhân, tổ chức	21.600.000.000	21.600.000.000	19.400.000.000	6.000.000.000	8.200.000.000	8.200.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan (i)	9.100.000.000	9.100.000.000	11.200.000.000	6.000.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Lưu Huy Hà (ii)	12.500.000.000	12.500.000.000	8.200.000.000	-	4.300.000.000	4.300.000.000
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	8.200.000.000	8.200.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	-	-	-	-	3.900.000.000	3.900.000.000
Ông Lưu Huy Hà	-	-	-	-	4.300.000.000	4.300.000.000
Cộng	21.600.000.000	21.600.000.000	-	-	8.200.000.000	8.200.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.2)	21.600.000.000	21.600.000.000	-	-	-	-

- (i) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Hữu Hoan theo hợp đồng vay tiền số 004HH/2023 ngày 04 tháng 04 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 001/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.
- (ii) Khoản vay dài hạn ông Lưu Huy Hà theo hợp đồng vay tiền số 005HH/2023 ngày 01 tháng 07 năm 2023 với tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 20.000.000.000 đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khoản vay trong vòng 24 tháng. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng số 002/PLHD2025 điều chỉnh gia hạn đến ngày 03 tháng 04 năm 2027.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	8.200.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.600.000.000	-
Cộng	21.600.000.000	8.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V.. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(235.712.178.540)	119.455.904.167
Lỗ trong năm	-	-	-	(33.023.917.340)	(33.023.917.340)
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(268.736.095.880)	86.431.986.827
Lỗ trong năm	-	-	-	(67.411.686.414)	(67.411.686.414)
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(336.147.782.294)	19.020.300.413

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản (cho thuê).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Năm 2025				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.392.632.757	18.744.667.990	1.142.285.982	22.279.586.729
Tổng doanh thu	2.392.632.757	18.744.667.990	1.142.285.982	22.279.586.729
Chi phí phân bổ	3.107.517.215	42.745.193.390	931.300.058	46.784.010.662
- Giá vốn hàng bán	2.269.261.959	36.178.027.402	531.101.897	38.978.391.258
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	838.255.256	6.567.165.988	400.198.161	7.805.619.404
Kết quả kinh doanh bộ phận	(714.884.458)	(24.000.525.400)	210.985.924	(24.504.423.933)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.127.940.962
Chi phí tài chính				794.529.933
Lợi nhuận (lỗ) khác				(43.240.673.510)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(67.411.686.414)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	9.702.794	-	9.702.794
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.153.572.925	9.037.467.796	550.736.496	10.741.777.218
Số dư tại ngày 31/12/2025				
Tài sản bộ phận	-	77.658.361.937	1.986.286.811	79.644.648.748
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	77.658.361.937	1.986.286.811	79.644.648.748
Nợ phải trả bộ phận	-	-	529.282.258	529.282.258
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	60.095.066.077
Tổng nợ phải trả				60.624.348.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động cho thuê VND	Tổng cộng VND
Năm 2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.304.466.092	24.369.815.012	5.157.140.931	40.831.422.035
Tổng doanh thu	11.304.466.092	24.369.815.012	5.157.140.931	40.831.422.035
Chi phí phân bổ	13.686.192.789	53.939.742.273	4.487.363.043	72.113.298.105
- Giá vốn hàng bán	10.819.128.081	47.759.013.701	3.179.397.091	61.757.538.873
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.867.064.708	6.180.728.572	1.307.965.952	10.355.759.232
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.381.726.697)	(29.569.927.261)	669.777.888	(31.281.876.070)
Doanh thu hoạt động tài chính				153.209.844
Chi phí tài chính				2.404.117.525
Lợi nhuận (lỗ) khác				508.866.412
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(33.023.917.339)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	328.973.645	-	328.973.645
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.509.752.918	11.877.753.295	2.513.570.483	19.901.076.696
Số dư tại ngày 31/12/2024				
Tài sản bộ phận	173.197.573	202.465.173.050	1.468.541.262	204.106.911.885
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	173.197.573	202.465.173.050	1.468.541.262	204.106.911.885
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	117.674.925.058
Tổng nợ phải trả	-	-	-	117.674.925.058

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Hưng Yên. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.279.586.729	40.831.422.035
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.744.667.990	24.369.815.012
- Doanh thu bán hàng hóa	2.392.632.757	11.304.466.092
- Doanh thu cho thuê	1.142.285.982	5.157.140.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.279.586.729	40.831.422.035
Doanh thu với các bên liên quan (xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)	14.545.455	270.909.089

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.178.027.402	47.759.013.701
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.269.261.959	10.819.128.081
Giá vốn cho thuê	531.101.897	3.179.397.091
Cộng	38.978.391.258	61.757.538.873

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.207.628	70.615.981
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	143.863
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.068.733.334	82.450.000
Cộng	1.127.940.962	153.209.844

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	599.697.271	2.218.642.882
Dự phòng tổn thất đầu tư	181.406.736	185.474.643
Chi phí tài chính khác	13.425.926	-
Cộng	794.529.933	2.404.117.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.689.063.954	4.549.743.216
Chi phí phân bổ	51.309.051	51.714.529
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.506.443.869	3.322.467.708
Thuế, phí và lệ phí	60.418.175	302.510.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.393.579.836	1.946.320.428
Chi phí bằng tiền khác	104.804.519	183.002.866
Cộng	7.805.619.404	10.355.759.233

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý nhượng bán tài sản	-	443.458.284
Các khoản thu nhập khác	90.004.874	129.686.294
Cộng	90.004.874	573.144.578

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	43.121.250.988	-
Các khoản phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	7.611.115	64.278.166
Chi phí khác	201.816.281	-
Cộng	43.330.678.384	64.278.166

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh thông thường

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh	(24.217.934.946)	(33.023.917.340)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	767.583.705	2.390.752.063
Cộng: Chi phí không được trừ	767.583.705	2.390.752.063
+ Các khoản phạt	7.611.115	64.278.166
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	540.489.643	2.148.026.901
+ Chi phí không được trừ khác	219.482.947	178.446.996
Thu nhập tính thuế TNDN	(23.450.351.241)	(30.633.165.277)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(43.193.751.468)	-
Cộng: Chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(43.193.751.468)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.260.935.106	20.111.747.179
Chi phí nhân công	12.883.719.466	14.655.166.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.502.062.978	19.676.245.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.624.745.970	6.326.741.593
Chi phí khác bằng tiền	243.285.183	518.713.909
Cộng	44.514.748.703	61.288.614.469

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với UBND tỉnh Thái Bình (nay là UBND tỉnh Hưng Yên) như sau:

Hợp đồng thuê đất số 80HĐ/TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2005 thuê đất tại phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình (nay là phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) với mục đích xây dựng rãnh thoát nước kết hợp làm cống phụ. Thời gian thuê đất từ ngày 23 tháng 09 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 492,1 m².

Hợp đồng thuê đất số 37HĐ/TĐ ngày 28 tháng 04 năm 2005 thuê đất tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) với mục đích xây dựng xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng. Thời gian thuê đất từ ngày 18 tháng 04 năm 2005 đến ngày 31 tháng 12 năm 2040. Tổng diện tích khu đất thuê là 10.000 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh

Công ty Cổ phần Hoàng Tân

Ông Lưu Huy Hà

Ông Nguyễn Hữu Hoan

Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt.

Mối quan hệ

Công ty con

Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám
đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch
HĐQT và cổ đông lớn của
Thái Bình Xanh

Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông
Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của
Hoàng Tân

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	14.545.455	270.909.089
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	14.545.455	270.909.089
Mua hàng	124.657.403	852.450.925
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	124.657.403	852.450.925
Đi vay	19.400.000.000	18.800.000.000
Ông Lưu Huy Hà	8.200.000.000	13.900.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	11.200.000.000	4.900.000.000
Trả gốc vay	6.200.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	200.000.000	100.000.000
Ông Lưu Huy Hà	-	21.400.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	6.000.000.000	18.000.000.000
Chi phí lãi vay	47.917.000	48.489.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	47.917.000	48.489.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	553.974.960	537.307.110
Công ty Cổ phần Hoàng Tân	71.123.960	54.456.110
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Phải trả người bán ngắn hạn	16.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	16.400.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23.900.000.000	24.100.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	23.900.000.000	24.100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.600.000.000	8.200.000.000
Ông Lưu Huy Hà	12.500.000.000	4.300.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	9.100.000.000	3.900.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.239.543.770	4.191.626.770
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.239.543.770	4.191.626.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	224.822.000	339.457.000
Ông Lưu Huy Hà	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	36.000.000	36.000.000
Ông Đinh Văn Thọ	24.000.000	24.000.000
Ông Lưu Tuấn Anh	30.822.000	135.457.000
Ông Lưu Minh Sơn (Miễn nhiệm ngày 25/07/2025)	14.000.000	24.000.000
Ban Tổng giám đốc	278.266.000	293.976.000
Ông Nguyễn Hữu Hoan	140.589.000	148.650.000
Ông Lê Văn Sinh	137.677.000	145.326.000
Ban kiểm soát	311.348.000	349.290.000
Bà Nguyễn Thu Hương	112.339.000	117.454.000
Bà Bùi Thị Tâm	130.491.000	127.127.000
Ông Vũ Doãn Quân	68.518.000	104.709.000
Cộng	814.436.000	982.723.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:


- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường: 26.364.900.896 đồng.


Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường: 64.910.777.641 đồng.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập


Trần Thị Hằng
Kế toán trưởng



Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 03 năm 2026